TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN** K **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày: 12 - 3 -2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**, TỈNH NINH BÌNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự
Ông Trần Văn Nghi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Luân - Kiểm sát viên.

- ***Người tiến hành tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:***

Ông Vũ Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Ông Phạm Anh T - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình

Ngày 12 tháng 03 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh N. Xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2025/TLST - HS ngày 14 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ, sinh năm 1994 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Minh Đ1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị The . Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ngọc H và có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án: Bản án số 70/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt Phạm Văn Đ 18 tháng tù giam và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Ngày 26/11/2024 Đỉnh thi hành xong hình phạt nhưng chưa được xoá án tích.

Nhân thân:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC ngày 27/4/2023 của Công an xã K, huyện K xử phạt số tiền 2.500.000 đồng đối với Phạm Văn Đ về hành vi "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong và được xoá vi phạm.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0800817/QĐ-XPHC ngày 02/6/2023 của UBND xã Y, huyện K xử phạt Phạm Văn Đ bằng hình thức cảnh cáo về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". Đã chấp hành xong và được xoá vi phạm

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/12/2024 đến ngày 18/12/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Chị Lại Thị X, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Anh Trần Trọng Đ2

+ Anh Nguyễn Minh Đ3.

Những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên buổi sáng ngày 13/12/2024, Phạm Văn Đ điều khiển xe mô tô BKS: 48C1 – 247.31 đi từ nhà đến khu vực bờ đề sông vạc thuộc xóm D, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tại đây Đ gặp một người đàn ông không quen biết hỏi và mua được 01gói ma túy gói ngoài bằng giấy màu trắng, có dòng kẻ với giá 200.000đồng. Sau đó Đ cầm gói ma túy ở tay trái và điều khiển xe mô tô về nhà. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực đường liên xã trước trường T1 sơ sở xã T thuộc xóm V, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Đ dừng xe mô tô, định mở gói ma tuý ra xem được nhiều hay ít thì bị tổ công tác Công an huyện K kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên tay trái của Đ 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng có dòng kẻ; 02 bơm kim tiêm MPV được bọc ngoài giấy nilong màu trắng, loại 3mm/cc; 01 ống Lidocain Hydroclorid loại 40mg/2ml. 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS: 48C1 – 247.31 xe đã qua sử dụng. Kiểm tra gói nhỏ thu giữ của Đ bên trong là chất bột dạng cục màu trắng, cân xác định khối lượng gói là 0,15 gam ký hiệu QT gửi trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 13/KL-KTHS-MT ngày 18/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: "*Mẫu chất bột dạng cục màu trắng ký hiệu QT có khối lượng là 0,1406 gam là ma túy, loại Heroine*."

Quá trình điều tra, Phạm Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 11/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội:"*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, tính chất nguy hiểm của vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý".*

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 21 (*hai mươi mốt*) đến 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 13/12/2024.

-Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

Một phong bì niêm phong ghi số 13/ KL – KTHS – MT. Bên trong có toàn bộ số ma túy hoàn trả sau khi giám định có khối lượng 0,1114 gam là ma túy loại Heroine cùng vỏ bao niêm phong.

Một phong bì niêm phong bên trong có 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 02 bơm kim tiêm MPV được bọc ngoài giấy nilong màu trắng, loại 3mm/cc; 01 ống Lidocain Hydroclorid loại 40mg/2ml.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không đối đáp, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai tại phiên toà của bị cáo Phạm Văn Đ như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với Biên bản về việc thu giữ và niêm phong vật chứng lập hồi 11 giờ 30 phút ngày 13 tháng 12 năm 2024, Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 12 giờ 15 phút ngày 13 tháng 12 năm 2024 và phù hợp kết luận giám định cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Hồi 11 giờ 30 phút ngày 13/12/2024, tại khu vực đường liên xã thuộc xóm V, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình bị cáo Phạm Văn Đ có hành vi cất giữ trái phép trong người 0,1406 gam Heroine để sử dụng cho bản thân.

Heroin là chất ma túy thuộc bảng danh mục IA, số thứ tự 9 ban hành kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ –CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính Phủ.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

"Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...”

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý, sản xuất kinh doanh một số loại hàng cấm. Mặt khác hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội và việc quản lý kinh tế tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ ma túy là mặt hàng nhà nước cấm tàng trữ, sử dụng và mua bán nhưng vì nhu cầu sử dụng cho bản thân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội khi đang có một tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Như vậy lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bố bị cáo ông Phạm Minh Đ1 là thương binh loại ¼. Do vậy bị cáo là con của người có công và được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, đang có một tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bị cáo mới chấp hành hình phạt tù trở về địa phương làm ăn sinh sống nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà tái nghiện và tiếp tục phạm tội do vậy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cai nghiện, học tập thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội để phục vụ cho nhu cầu nghiện ma túy của bản thân, nhưng qua xác minh tại chính quyền địa phương bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo khai mua của một người đàn ông không quen biết khoảng 40 tuổi tại khu vực bờ đề sông vạc thuộc xã T, huyện K. Bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ người này, nếu gặp mặt cũng không nhận dạng

được nên Cơ quan CSĐT Công an huyện K không đủ căn cứ để điều tra, xác minh, xử lý người đàn ông trên.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã trả xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS: 48C1 – 247.31 cho chị Lại Thị X (chị dâu của bị cáo Đ) là chủ sở hữu của xe mô tô. Sáng ngày 13 tháng 12 năm 2024 chị X cho bị cáo Đ mượn xe nhưng không biết việc bị cáo Đ sử dụng chiếc xe để đi mua ma túy**.** Việc Cơ quan CSĐT đã trả xe mô tô cho chị Lại Thị X đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Những vật chứng còn lại căn cứ vào Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS xử lý như sau:

Toàn bộ số ma túy còn lại sau khi giám định có khối lượng 0,1114 gam là ma túy loại Heroine được niêm phong trong một phong bì ghi số 13/ KL – KTHS – MT cùng vỏ bao niêm phong cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

01 phong bì niêm phong bên trong có 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 02 bơm kim tiêm MPV được bọc ngoài giấy nilong màu trắng, loại 3mm/cc; 01 ống Lidocain Hydroclorid loại 40mg/2ml. Cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[08] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội: "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 13 tháng 12 năm 2024.

2.Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì niêm phong ghi số 13/ KL – KTHS – MT. Bên trong có toàn bộ số ma túy hoàn trả sau khi giám định có khối lượng 0,1114 gam là ma túy loại Heroine cùng vỏ bao niêm phong.

01 phong bì niêm phong bên trong có 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 02 bơm kim tiêm MPV được bọc ngoài giấy nilong màu trắng, loại 3mm/cc; 01 ống Lidocain Hydroclorid loại 40mg/2ml.

(*Chi tiết vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K*).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/03/2025). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND huyện K: 02 bản.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Chi cục THA dân sự huyện K: 01 bản
- Bị cáo: 01 bản.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 01 bản
- Lưu hồ sơ: 01 bản.
- Lưu VP: 02 bản.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Khanh